

Bản án số: 195/2024/DS-PT  
Ngày 19/8/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Lâm Sơn

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Thành Quang.

Ông Trần Bá Kha.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2024/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm: 1980; (có mặt)

Bà Nguyễn Thu Đ, sinh năm: 1982; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**Bị đơn:** Ông Hồ Chí K, sinh năm: 1968; (có mặt)

Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1979; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (ông K và bà R):* Ông Phạm Hoàng K1, sinh năm: 1984 là Luật sư văn phòng luật sư Phạm Hoàng K1 thuộc đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

Địa chỉ: Số C đường N, khu phố A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Ông Hồ Chí K, bà Nguyễn Thị R - bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh

**Thanh H, bà Nguyễn Thu Đ** là nguyên đơn trình bày:

Do quen biết và tin tưởng nhau nên vợ, chồng ông cho vợ, chồng ông **K**, bà **R** vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 04/12/2021, cho vay là 250.000.000 đồng đã trả là 150.000.000 đồng và còn nợ là 100.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 09/4/2022, cho vay là 200.000.000 đồng đã trả là 100.000.000 đồng và còn nợ là 100.000.000 đồng. Sau đó, tiếp tục vay là 100.000.000 đồng nên bà **R** tự sửa và ghi trong biên nhận “có mượn hai trăm triệu đồng” chưa trả; Lần 03: Ngày 17/10/2022, cho vay là 200.000.000 đồng đã trả là 30.000.000 đồng và còn nợ là 170.000.000 đồng.

Ngoài ra, riêng bà **R** còn hỏi vay tiền trả góp theo thỏa thuận như sau:

Lần 01: Ngày 12/8/2022, cho vay là 100.000.000 đồng đã trả là 90.000.000 đồng và còn nợ là 10.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 02/9/2022, cho vay là 100.000.000 đồng đã trả là 70.000.000 đồng và còn nợ là 30.000.000 đồng; Lần 03: Ngày 30/10/2022, cho vay là 120.000.000 đồng chưa trả.

Việc vay tiền hai bên có làm biên nhận; về thời gian giao dịch tính theo âm lịch; bà **R** là người trực tiếp giao dịch với vợ, chồng ông. Mặc dù, ông **K** không trực tiếp tham gia nhưng biết rõ về hợp đồng vay tài sản. Như vậy, ông **K** và bà **R** còn nợ vợ, chồng ông số tiền của các lần vay nêu trên tổng cộng là 630.000.000 đồng, do ông **K** và bà **R** không có thiện chí thanh toán nợ nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ông **H**, bà **Đ** yêu cầu ông **K**, bà **R** phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ tổng cộng là 630.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa yêu cầu ông **K**, bà **R** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông, bà số tiền vay tổng cộng là 470.000.000 đồng (theo các biên nhận nợ ngày 04/12/2021, ngày 09/4/2022 và ngày 17/10/2022) do thời điểm vay tiền ông **K**, bà **R** là vợ, chồng đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và ông **K** có ký tên trong biên nhận. Đối với các khoản vay trả góp theo thỏa thuận còn nợ tổng cộng là 160.000.000 đồng (theo các biên nhận ngày 30/10/2022, ngày 12/8/2022 và ngày 02/9/2022), yêu cầu bà **R** phải có trách nhiệm trả.

Ông, bà không có yêu cầu về tiền lãi nên việc phía bị đơn yêu cầu và đề nghị Tòa án xem xét lại tiền lãi tại phiên tòa để khấu trừ vào tiền vay vốn thì ông, bà không đồng ý.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (ông **K** và bà **R**) trình bày:*

Đối với hợp đồng vay tài sản: Về thời điểm vay, số tiền vốn vay, số tiền vốn đã thanh toán từng khoản vay và số tiền còn nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng đã được bà **R** thừa nhận tại biên bản hòa giải còn nợ tổng cộng là 630.000.000 đồng là đúng theo nguyên đơn đã trình bày.

Ngoài việc, bị đơn trả tiền vốn vay thì bà **R** còn trả tiền lãi nhiều lần theo

thỏa thuận cho vợ, chồng ông **H** từ 5% đến 7%/ tháng tương ứng với tiền vay vốn, kể từ thời điểm vay cho đến tháng 12 năm 2022 tổng cộng là 313.500.000 đồng. Cụ thể: Đối với khoản vay ngày 04/12/2021 trả lãi là 187.500.000 đồng, khoản vay ngày 02/9/2022 trả lãi là 98.000.000 đồng và khoản vay ngày 17/10/2022 trả lãi là 28.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phía bị đơn có ý kiến như sau:

Bị đơn yêu cầu và đề nghị Tòa án xem xét tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với từng khoản vay nêu trên, phần tiền lãi chênh lệch bị đơn trả dư đề nghị khấu trừ vào khoản tiền vay vốn, còn lại bao nhiêu bà **R** chịu trách nhiệm tiếp tục trả cho nguyên đơn.

Đối với ông **K** chỉ đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với bà **R** trả cho nguyên đơn khoản vay số tiền là 170.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 17/10/2022, sau khi Tòa án khấu trừ tiền lãi đã trả là 28.000.000 đồng). Đối với các khoản vay khác ông không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà **R** thanh toán do ông **K** không biết, không trực tiếp tham gia và không sử dụng số tiền đã vay. Mặc khác, tuy ông **K** có ký tên vào biên nhận ngày 04/12/2021 và ngày 09/4/2022 nhưng ký tên là người làm chứng không phải người vay.

*Ông **Hồ Chí K** là bị đơn trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày, yêu cầu và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Sở dĩ, khi hòa giải ông có ý kiến khoản nợ nào ông có ký tên trong biên nhận thì ông chịu trách nhiệm cùng với bà **R** trả vì ông mong muốn hai bên hòa giải và tự thỏa thuận với nhau.

*Bà **Nguyễn Thị R** là bị đơn trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày, yêu cầu và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Ngoài việc, yêu cầu Tòa án xem xét, tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu nguyên đơn phải giao ra bản chính sổ ghi chép về việc trả tiền lãi trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Hợp đồng vay tiền do bà trực tiếp giao dịch với vợ chồng ông **H**, ông **K** không biết, không tham gia và không sử dụng tiền vay; mục đích bà vay tiền để cho người khác vay lại và sử dụng vào việc góp họ (hụi).

**\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2024/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Thanh H** và bà **Nguyễn Thu Đ** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông **Hồ Chí K**, bà **Nguyễn Thị R**.

- Buộc ông **Hồ Chí K**, bà **Nguyễn Thị R** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông **Huỳnh Thanh H** và bà **Nguyễn Thu Đ** số tiền là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị R phải có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh H và bà Nguyễn Thu Đ số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

\* Đơn kháng cáo ngày 26/3/2024 bị đơn ông Hồ Chí K kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 54/2024/DS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân thành huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo hướng xem xét căn trừ số tiền lãi mà ông bà đã đóng cho nguyên đơn là 316.000.000 đồng trừ vào phần tiền gốc là 630.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm

**Nguyên đơn:** Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**Bị đơn:** Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Luật sư K1 tranh luận cho rằng: bị đơn thừa nhận số tiền vay gốc là 630.000.000 đồng, tuy nhiên, sau những lần hòa giải phía nguyên không thừa nhận số tiền lãi nào, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 83), phía nguyên đơn thừa nhận có nhận tiền lãi của bị đơn nhiều lần nhưng không nhớ. Trong quá trình nộp tiền lãi, phía nguyên đơn có sổ phụ để ghi nhận tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm khi nhận định lại tách số tiền lãi bị đơn yêu cầu thành vụ kiện khác mà không bù trừ tiền lãi cao đã trả là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận nội dung kháng cáo của anh K.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông K, Hội đồng xét xử căn cứ vào các biên nhận vay tiền và biên bản hòa giải ngày 07/11/2023 ông K, bà R thừa nhận còn nợ ông H số tiền vay gốc là 630.000.000 đồng (bút lục 42). Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc phía ông K, bà R có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay gốc 470.000.000 đồng cho ông H do ông K chỉ thừa nhận số tiền nợ đã ký biên nhận và buộc bà R có nghĩa vụ

trả nợ 160.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp chứng cứ và quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 về vay tài sản. Nay ông **K** kháng cáo yêu cầu trừ số nợ lãi đã trả vào số tiền nợ gốc, trong khi ông **H** chỉ thừa nhận số tiền lãi 20.000.000 đồng đối với khoản cho vay 100.000.000 đồng ngày 09/4, còn các khoản khác chưa nhận tiền lãi, ông **K** cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã trả 316.000.00 đồng trong khi các lần khai số tiền lãi đã trả tại bản tự khai của bà **R** ngày 07/11/2023 (bút lục 38), tại phiên tòa và tại đơn kháng cáo của ông **K** có sự khác nhau, căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, Hội đồng xét xử không có cơ sở pháp lý để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **K**. Tuy nhiên, cũng cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm về nhận định tách số tiền lãi cao đã trả nếu có thành vụ kiện khác là không đúng quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **K** và quan điểm tranh luận của Luật sư **K1**, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm, ông **K** phải chịu nộp án phí 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **Hồ Chí K**.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2024/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 288, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Thanh H** và bà **Nguyễn Thu Đ** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông **Hồ Chí K**, bà **Nguyễn Thị R**.

2. Buộc ông **Hồ Chí K**, bà **Nguyễn Thị R** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông **Huỳnh Thanh H** và bà **Nguyễn Thu Đ** số tiền là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Buộc bà **Nguyễn Thị R** phải có trách nhiệm trả cho ông **Huỳnh Thanh H** và bà **Nguyễn Thu Đ** số tiền là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **K** phải chịu nộp án phí giá ngạch số tiền: 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm ngàn đồng). Bà **R** phải chịu nộp án phí giá ngạch số tiền: 19.400.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ông **H**, bà **Đ** không phải chịu nộp án phí, hoàn trả cho ông ông **H**, bà **Đ** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.600.000 đồng theo biên lai thu số 0001994 cùng ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **K** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông **K** đã nộp theo biên lai thu số 0005889 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Lâm Sơn**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán**

**Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thế Mạnh Nguyễn Thị N**

**Lê Lâm S**



***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- CCTHA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Lâm Sơn**